

Số: /BC-STP

Tuyên Quang, ngày tháng năm 2022

BÁO CÁO

Kết quả thẩm định dự thảo Nghị quyết quy định về nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang

Sở Tư pháp nhận được Văn bản số 802/SLĐTBXH-XH ngày 01/6/2022 của Sở Lao động, Thương binh và Xã hội về việc đề nghị thẩm định hồ sơ xây dựng Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh (*dự thảo Nghị quyết quy định nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang*). Sau khi nghiên cứu, Sở Tư pháp có ý kiến thẩm định như sau:

I. CĂN CỨ THẨM ĐỊNH VĂN BẢN

- Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

- Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

- Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

- Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đầu tư công, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Luật Đầu tư, Luật Nhà ở, Luật Đấu thầu, Luật Điện lực, Luật Doanh nghiệp, Luật Thuế tiêu thụ đặc biệt và Luật Thi hành án dân sự ngày 11 tháng 01 năm 2022;

- Nghị quyết số 24/2021/QH15 ngày 28 tháng 7 năm 2021 của Quốc hội phê duyệt chủ trương đầu tư Chương trình Mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025 (*sau đây viết tắt là Nghị quyết số 24/2021/QH15*);

- Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật (*sau đây viết tắt là Nghị định số 34/2016/NĐ-CP*); Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung

một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật (*sau đây viết tắt là Nghị định số 154/2020/NĐ-CP*);

- Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19/4/2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia.

- Quyết định số 02/2022/QĐ-TTg ngày 18 tháng 01 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025 (*sau đây viết tắt là Quyết định số 02/2022/QĐ-TTg*);

- Một số văn bản, tài liệu khác có liên quan.

II. NỘI DUNG THẨM ĐỊNH (Tính hợp hiến, hợp pháp và tính thống nhất của dự thảo Quyết định với hệ thống pháp luật; sự phù hợp của nội dung dự thảo Quyết định với các quy định trong văn bản đã giao quy định chi tiết)

1. Sự cần thiết ban hành Quyết định

Khoản 1 Điều 40 Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19/4/2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia, quy định: *“Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh: 1. Xây dựng, trình Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định: a) Mức vốn đối ứng từ ngân sách địa phương; nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia tại địa phương”*.

Khoản 1 Điều 19 Quyết định số 02/2022/QĐ-TTg quy định: *“Căn cứ Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương, khả năng tài chính và đặc điểm tình hình của địa phương, bố trí vốn đối ứng, lồng ghép các nguồn lực khác, xây dựng các nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước cho các ngành, các cấp của địa phương để thực hiện Chương trình và trình Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương quyết định”*.

Căn cứ các quy định nêu trên và khoản 1 Điều 27 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 (*được sửa đổi, bổ sung năm 2020*)¹ thì việc Sở Lao động, Thương binh và Xã hội trình Ủy ban nhân dân tỉnh trình HĐND tỉnh dự thảo Nghị quyết quy định nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững

¹ Khoản 1 Điều 27 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 (*được sửa đổi, bổ sung năm 2020*) quy định: *“Hội đồng nhân dân cấp tỉnh ban hành nghị quyết để quy định: 1. Chi tiết điều, khoản, điểm được giao trong văn bản quy phạm pháp luật của cơ quan nhà nước cấp trên”*.

giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang là cần thiết và có cơ sở pháp lý.

2. Dự thảo Nghị quyết

2.1. Điều 2 (Đối tượng áp dụng): Đề nghị bổ sung đối tượng áp dụng là “*Cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc thực hiện quản lý, giám sát, thanh tra, kiểm tra việc thực hiện kế hoạch đầu tư trung hạn và hằng năm của Chương trình*” cho thống nhất với phạm vi điều chỉnh (Điều 1) của dự thảo Nghị quyết .

2.2. Điều 5 (Tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương) quy định:

“Tổng vốn đối ứng từ nguồn vốn ngân sách địa phương của tỉnh phải đảm bảo mức quy định tại điểm a, Khoản 2, Điều 13 Quyết định số 02/2022/QĐ-TTg ngày 18 tháng 01 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ.

Ngân sách địa phương bố trí vốn đối ứng trong kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm tối thiểu bằng 3% tổng vốn đầu tư phát triển ngân sách trung ương hỗ trợ thực hiện Chương trình, bố trí vốn sự nghiệp đối ứng tối thiểu bằng 3% tổng vốn sự nghiệp ngân sách trung ương hỗ trợ thực hiện Chương trình

Nguyên tắc phân bổ: Thực hiện phân bổ theo tiêu chí, định mức phân bổ của từng dự án, tiểu dự án; ưu tiên thực hiện đối ứng các dự án, tiểu dự án theo tỷ lệ quy định của các Bộ, ngành Trung ương (nếu có) ”.

Điều 5 dự thảo Nghị quyết nêu trên có một số điểm chưa phù hợp, cụ thể như sau:

(1) Điều 5 quy định về **tỷ lệ vốn đối ứng của địa phương** không thuộc phạm vi điều chỉnh của dự thảo Nghị quyết tại Điều 1 (Phạm vi điều chỉnh) dự thảo Nghị quyết: “*Nghị quyết này quy định các nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025 ...*”.

Hơn nữa, tại khoản 1 Điều 40 Nghị định số 27/2022/NĐ-CP giao (phân cấp) cho HĐND tỉnh quyết định **mức vốn đối ứng từ ngân sách địa phương**; Điều 12, Điều 13 Quyết định số 02/2022/QĐ-TTg đã quy định cụ thể tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương² và Điều 15 Quyết định số 02/2022/QĐ-TTg

² Điều 12, 13 Quyết định số 02/2022/QĐ-TTg quy định:

“Điều 12. Các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương tự cân đối được ngân sách (trừ tỉnh Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Nam)

1. Trung ương hỗ trợ có mục tiêu vốn đầu tư cơ sở hạ tầng và duy tu bảo dưỡng từ ngân sách trung ương cho các huyện nghèo và xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

2. Bố trí nguồn vốn thực hiện Chương trình từ ngân sách địa phương và các nguồn vốn huy động hợp pháp khác đảm bảo thực hiện được các mục tiêu, chỉ tiêu, nhiệm vụ của Chương trình trên địa bàn.

không giao (phân cấp) cho HĐND tỉnh quy định về tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương³.

(2) Tên Điều 5 là “*tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương*”, nhưng đoạn thứ 3 Điều 5 lại quy định về nguyên tắc phân bổ, đề nghị đưa nội dung này về Điều 3 (Nguyên tắc phân bổ vốn).

2.3. Điều 4 (Tiêu chí, định mức và phương pháp phân bổ vốn ngân sách)

a) Điểm b khoản 1 quy định: “*Tỷ lệ hộ nghèo dân tộc thiểu số trên tổng số hộ dân, tổng số hộ nghèo dân tộc thiểu số, tổng số trẻ em thuộc hộ nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2021-2025 căn cứ theo báo cáo số 35/BC-UBND ngày 14 tháng 3 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang về phân tích kết quả rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo năm 2021 trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang*”

Đề nghị chỉnh sửa cụm từ “*báo cáo số 35/BC-UBND ngày 14 tháng 3 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang về phân tích kết quả rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo năm 2021 trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang*” sao cho phù hợp, vì nghị quyết quy phạm pháp luật của HĐND tỉnh không viện dẫn/dẫn chiếu đến văn bản hành chính thông thường của Ủy ban nhân dân tỉnh.

b) Điểm e và điểm g quy định:

“*e) Tỷ lệ xã đặc biệt khó khăn theo Quyết định số 861/QĐ-TTg ngày 04/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt danh sách xã khu vực III, khu vực II, khu vực I thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2025; số lượng tuyển sinh tương ứng với loại hình đào tạo của các cơ sở*

Điều 13. Đối với các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nhận hỗ trợ từ ngân sách trung ương và tỉnh Quảng Nam, tỉnh Quảng Ngãi

1. Căn cứ vào tình hình thực tế, khả năng cân đối ngân sách, các địa phương phải ưu tiên bố trí đủ vốn ngân sách địa phương theo quy định tại Nghị quyết số 24/2021/QH15 để triển khai thực hiện Chương trình theo kế hoạch hàng năm và 5 năm đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Trong đó, ưu tiên vốn bố trí thêm nguồn vốn cho các huyện nghèo, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

2. Tỷ lệ đối ứng từ ngân sách địa phương

a) Các địa phương nhận hỗ trợ từ ngân sách trung ương từ 70% trở lên: Hàng năm, ngân sách địa phương đối ứng tối thiểu bằng 3% tổng ngân sách trung ương hỗ trợ thực hiện Chương trình.

b) Các địa phương nhận hỗ trợ từ ngân sách trung ương từ 50% đến dưới 70%: Hàng năm, ngân sách địa phương đối ứng tối thiểu bằng 10% tổng ngân sách trung ương hỗ trợ thực hiện Chương trình.

c) Các địa phương nhận hỗ trợ từ ngân sách trung ương dưới 50% và tỉnh Quảng Ngãi, Quảng Nam: Hàng năm, ngân sách địa phương đối ứng tối thiểu bằng 15% tổng ngân sách trung ương hỗ trợ thực hiện Chương trình”.

³ Điều 15 Quyết định số 02/2022/QĐ-TTg quy định: “*Căn cứ Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương, khả năng tài chính và đặc điểm tình hình của địa phương, bố trí vốn đối ứng, lồng ghép các nguồn lực khác, xây dựng các nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước cho các ngành, các cấp của địa phương để thực hiện Chương trình và trình Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương quyết định*”.

giáo dục nghề nghiệp để tính hệ số được xác định căn cứ vào số liệu **kết quả tuyển sinh năm 2020** do Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh Tuyên Quang công bố.

...g) Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng thấp còi theo **số liệu công bố năm 2020** của Sở Y tế tỉnh Tuyên Quang”.

Theo quy định nêu trên thì số lượng tuyển sinh căn cứ vào số liệu kết quả tuyển sinh **năm 2020** và tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng thấp còi theo số liệu công bố **năm 2020**, nhưng các tỷ lệ khác (*quy mô dân số, hộ nghèo, hộ cận nghèo, huyện khu vực miền núi, vùng cao, đơn vị hành chính cấp xã...*) đều căn cứ kết quả rà soát **năm 2021** là chưa thống nhất, đề nghị xem xét, chỉnh sửa, giải trình.

c) Khoản 3 quy định: “*Trường hợp địa bàn đáp ứng nhiều chỉ số trong cùng một tiêu chí phân bổ vốn thì áp dụng chỉ số có hệ số phân bổ vốn cao nhất*”.

Tuy nhiên, tại 07 dự thảo Phụ lục ban hành kèm theo dự thảo Nghị quyết quy định về các tiêu chí phân bổ vốn, trong đó: Các tiêu chí chủ yếu là quy mô, tổng số, tổng tỷ lệ, tỷ lệ, số đơn vị, số trẻ em, số trường, các chỉ số trong cùng một tiêu chí nêu trên đều được xác định bởi một khoảng giới hạn, không chồng chéo (*ví dụ: Tiêu chí tỷ lệ % có các chỉ số: Dưới 05%, từ 05% đến dưới 10%, ...; Tiêu chí tổng số hộ nghèo có các chỉ số: Dưới 1.000 hộ, từ 1.000 hộ đến 5.000 hộ, ...*), do đó, không thể có trường hợp địa bàn đáp ứng nhiều chỉ số trong cùng một tiêu chí đối với các tiêu chí nêu trên; 03 tiêu chí còn lại không phải quy mô, tổng số, tổng tỷ lệ, tỷ lệ, số đơn vị, số trẻ em, số trường, gồm: Tiêu chí đặc điểm địa lý của huyện nghèo, tiêu chí huyện nghèo, tiêu chí huyện nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025 đều chỉ có 01 chỉ số trong một tiêu chí. Như vậy, nếu phân bổ theo các tiêu chí quy định tại 07 dự thảo Phụ lục ban hành kèm theo dự thảo Nghị quyết thì sẽ không xảy ra trường hợp địa bàn đáp ứng nhiều chỉ số trong cùng một tiêu chí, do đó, quy định tại khoản 3 là không cần thiết.

3. Dự thảo Phụ lục

3.1. Vấn đề chung

Điểm a khoản 4 Điều 1 Nghị quyết số 24/2021/QH15 quy định: “*Đầu tư có trọng tâm, trọng điểm và bền vững, trọng tâm là các huyện nghèo, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển và hải đảo; ưu tiên hỗ trợ hộ nghèo dân tộc thiểu số, hộ nghèo có thành viên là người có công với cách mạng và trẻ em, phụ nữ thuộc hộ nghèo*”.

Tuy nhiên, tại dự thảo Phụ lục ban hành kèm theo dự thảo Nghị quyết quy định tiêu chí và hệ số phân bổ vốn cho các huyện, thành phố thực hiện các dự

án, trong đó chưa đề cập đến tiêu chí hộ nghèo có thành viên là người có công với cách mạng, phụ nữ thuộc hộ nghèo, mà lại bổ sung tiêu chí huyện nông thôn mới (*Phụ lục II, Phụ lục III*). Do đó, đề nghị cơ quan soạn thảo, nghiên cứu, xem xét quy định cho phù hợp.

3.2. Phụ lục IV (Dự án 4: Phát triển giáo dục nghề nghiệp, việc làm bền vững)

3.2.1. Khoản 1 (Tiểu dự án 1: Phát triển giáo dục nghề nghiệp vùng nghèo, vùng khó khăn)

a) Nội dung (1) điểm b (Đối với vốn sự nghiệp) quy định: “Phân bổ 20% tổng số vốn sự nghiệp của Tiểu dự án cho các sở, ngành cấp tỉnh”.

Nội dung nêu trên chưa quy định cụ thể định mức phân bổ cho từng sở, ngành như thế nào, đề nghị chỉnh sửa; đồng thời, chỉnh sửa tương tự tại khoản 3 Phụ lục IV, khoản 1 Phụ lục VI, khoản 1 Phụ lục VII.

b) Nội dung (3) điểm b (Đối với vốn sự nghiệp) quy định:

“2.3. Phân bổ 30% cho Ủy ban nhân dân các huyện để hỗ trợ cho Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên.

a) Về tiêu chí và hệ số phân bổ cụ thể như sau:

Tiêu chí	Hệ số
...	
7. Tiêu chí 7: Số lượng tuyển sinh/năm	
<i>Dưới 500 học sinh</i>	<i>0,6</i>
<i>Từ 500 học sinh đến dưới 1.500 học sinh</i>	<i>0,7</i>
<i>Từ 1.500 học sinh đến dưới 2.500 học sinh</i>	<i>0,8</i>

Theo đó, tại tiêu chí 7: Số lượng tuyển sinh/năm mới quy định số lượng tuyển sinh đến dưới 2.500 học sinh, vậy trường hợp số lượng tuyển sinh từ 2.500 trở lên thì không xác định được hệ số, do đó, đề nghị chỉnh sửa cụm từ “*Từ 1.500 học sinh đến dưới 2.500 học sinh*” thành “*Từ 1.500 học sinh trở lên*”.

c) Nội dung (4) điểm b (Đối với vốn sự nghiệp) quy định tiêu chí và hệ số phân bổ vốn cho các huyện, thành phố để hỗ trợ đào tạo nghề cho người lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo; người dân sinh sống trên địa bàn huyện nghèo, trong đó quy định 07 tiêu chí, gồm: (1) Tổng tỷ lệ hộ nghèo và hộ cận nghèo của huyện, thành phố; (2) Tổng số hộ nghèo và hộ cận

nghèo của huyện, thành phố; (3) Tỷ lệ hộ nghèo và hộ cận nghèo dân tộc thiểu số của huyện, thành phố; (4) Tổng số hộ nghèo dân tộc thiểu số của huyện, thành phố; (5) Huyện nghèo; (6) Tỷ lệ xã đặc biệt khó khăn; (7) Số đơn vị hành chính cấp xã.

Theo đó, dự thảo Nghị quyết chưa đề cập đến tiêu chí **“số lượng tuyển sinh”** theo tiêu chí 5 (Số lượng tuyển sinh trên địa bàn tỉnh) nội dung (3) (Phân bổ tối thiểu 40% tổng số vốn sự nghiệp ngân sách trung ương của Tiểu dự án cho các địa phương để hỗ trợ đào tạo nghề cho người lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo; người dân sinh sống trên địa bàn huyện nghèo, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo) điểm b (Đối với vốn sự nghiệp) khoản 1 (Tiểu dự án 1: Phát triển giáo dục nghề nghiệp vùng nghèo, vùng khó khăn) Điều 8 (Dự án 4: Phát triển giáo dục nghề nghiệp, việc làm bền vững) Quyết định số 02/2022/QĐ-TTg, đề nghị cơ quan soạn thảo xem xét, chỉnh sửa cho phù hợp.

3.2.2. Khoản 3 (Tiểu dự án 3: Hỗ trợ việc làm bền vững) quy định:

“- Phân bổ 50% vốn ngân sách cho các Sở, ban, ngành cấp tỉnh, phân bổ 50% vốn ngân sách cho các huyện, thành phố.

- Tiêu chí và hệ số phân bổ vốn

Tiêu chí	Hệ số
<i>1. Tiêu chí 1: Tổng tỷ lệ hộ nghèo và hộ cận nghèo của huyện, thành phố</i>	
<i>Dưới 05%</i>	<i>0,1</i>

...”.

Gạch đầu dòng (-) thứ 2 khoản 3 chưa rõ ràng tiêu chí và hệ số phân bổ vốn cho sở, ban, ngành cấp tỉnh hay huyện, thành phố, đề nghị chỉnh sửa.

4. Thể thức, kỹ thuật soạn thảo

- Đề nghị bổ sung cụm từ *“(sau đây viết tắt là Chương trình)”* vào sau cụm từ *“Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025”* tại lần đầu tiên nhắc đến cụm từ trên; sau khi bổ sung, các quy định nhắc đến Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025 của các nội dung tiếp theo nêu trong dự thảo Nghị quyết thì viết chung là *“Chương trình”*.

- Đề nghị cơ quan soạn thảo tiếp tục rà soát lại toàn bộ dự thảo Nghị quyết để chỉnh sửa lỗi chính tả và thể thức, kỹ thuật trình bày của văn bản cho phù hợp với quy định tại Chương V (từ Điều 55 đến Điều 81) và Mẫu số 16 Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 34/2016/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 154/2020/NĐ-CP) như: Căn cứ ban hành thứ 7, đề nghị chỉnh sửa cụm

từ “ngày 19/4/2022” thành “ngày 19 tháng 4 năm 2022”; thứ tự các khoản trình bày bằng kiểu chữ đứng, không đậm; thứ tự các điểm trong mỗi khoản dùng các chữ cái tiếng Việt theo thứ tự bảng chữ cái tiếng Việt; khi viện dẫn lần đầu văn bản có liên quan, phải ghi đầy đủ tên loại văn bản, số, ký hiệu văn bản, ngày, tháng, năm thông qua hoặc ký ban hành văn bản, tên cơ quan, người có thẩm quyền ban hành văn bản và tên gọi văn bản, trong lần viện dẫn tiếp theo, đối với luật, pháp lệnh, ghi đầy đủ tên loại văn bản, tên gọi của văn bản, đối với các văn bản khác, ghi tên loại, số, ký hiệu của văn bản đó; v.v...

III. KẾT LUẬN

1. Đề nghị cơ quan soạn thảo tiếp thu ý kiến thẩm định nêu tại Mục II Báo cáo thẩm định này; đồng thời rà soát lại toàn bộ nội dung dự thảo văn bản để chỉnh sửa, hoàn chỉnh dự thảo văn bản cho phù hợp với pháp luật hiện hành.

2. Sau khi hoàn chỉnh theo khoản 1 Mục III Báo cáo này, dự thảo văn bản đủ điều kiện trình Ủy ban nhân dân tỉnh theo quy định.

Trên đây là báo cáo kết quả thẩm định của Sở Tư pháp về dự thảo Nghị quyết quy định nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang./.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh (báo cáo);
- Giám đốc STP;
- Sở LĐTBXH;
- Trang TTĐT STP (đăng tải);
- Lưu: VT, XDKTTHPL&PBGDPL.(Lan.06b)

GIÁM ĐỐC

Nguyễn Thị Thược